

# CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

*(Bám theo Chương VII dự thảo luật doanh nghiệp năm 2014)*

## 1. Công ty cổ phần và cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam

### 1.1. Công ty cổ phần

Công ty cổ phần là một hình thức tổ chức mang tính chất xã hội hoá cao, được xác định và xác nhận quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp bằng hình thức cổ phần và phân phối lợi tức theo mức doanh lợi của công ty. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2006 thì Công ty cổ phần là doanh nghiệp trong đó:

+ Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn.

+ Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp có quy định khác của Luật Doanh nghiệp.

+ Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Chỉ có tổ chức được Chính phủ uỷ quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày công ty được cấp

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### ***Về quyền của cổ đông.***

Hiện Luật doanh nghiệp năm 2005 quy định về quyền của cổ đông khá đầy đủ, chi tiết như được tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty; được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp cổ đông phổ thông sáng lập có quy định riêng về việc chuyển nhượng. Bên cạnh đó, các cổ đông phổ thông còn được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty; các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ công ty.

Tuy nhiên, trong dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2014 trình Quốc hội Khóa XIII tại kỳ thứ 7 có hướng điều chỉnh quyền của cổ đông rộng hơn như: được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty. Đồng thời, cũng được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp các nghĩa vụ

khác của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và kiểm soát viên và Điều lệ công ty quy định.

*Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:* Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

### ***Về cổ phiếu, cổ tức.***

Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 90 và Điều 91 của Luật Doanh nghiệp 2005 nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

### ***Về cơ cấu tổ chức quản lý Công ty cổ phần.***

Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; đối với Công ty cổ phần có trên mười một cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có

Ban kiểm soát. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty được quy định tại Điều lệ công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Người quản lý công ty là Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu liên quan như: Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty; Báo cáo tài chính; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

Đối với Công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cổ phần đã phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

## 1.2. Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam

Để các Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động có hiệu quả, Nhà nước đã tiến hành chủ trương cổ phần hóa các Doanh nghiệp Nhà nước. Tại hội nghị lần thứ ba ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã xác định cụ thể mục tiêu hoạt động của các Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa như sau: Sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Doanh nghiệp Nhà nước để Doanh nghiệp Nhà nước góp phần quan trọng bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu của xã hội và nhu cầu cần thiết của quốc phòng, an ninh, là lực lượng nòng cốt đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và tạo nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là quá trình chuyển đổi từ hình thức Doanh nghiệp Nhà nước sang hình thức Công ty cổ phần. Với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay thì việc Cổ phần hóa các Doanh nghiệp Nhà nước là hết sức cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp. Đảm bảo vai trò chủ đạo của Doanh nghiệp Nhà nước. Giữ vững vị thế kinh tế của đất nước khi tham gia tiến trình hội nhập AFTA/ASEAN cũng như việc gia nhập WTO, hội nhập kinh tế thế giới. Đảng và Nhà nước đã đề các chủ trương chính sách và mục tiêu hoạt động đúng đắn, phù hợp nhằm thúc đẩy tiến trình Cổ phần hóa đạt hiệu cao.

Kể từ khi Nghị quyết hội nghị lần thứ 3 khóa IX ra đời, quá trình cổ phần hoá đã diễn ra ngày một sôi động và nhanh chóng trên quy mô cả nước. Căn cứ tình hình và kết quả của công tác cổ phần hoá, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% VNhà nước thành Công ty cổ phần. Các Nghị định

này đã cụ thể, khái quát hoá mục tiêu của việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần như sau:

Thứ nhất, chuyển đổi những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ hai, đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.

Thứ ba, thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng Cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

Đó là những mục tiêu thiết thực cần được các doanh nghiệp chuyển đổi hết sức chú trọng để đạt được mục tiêu mà Đảng và Chính phủ đề ra có hiệu quả cao nhất.

*Xét về mặt hình thức*, Cổ phần hóa là việc Nhà nước bán một phần hay toàn bộ giá trị của mình trong doanh nghiệp Nhà nước cho cán bộ quản lý và công nhân của Doanh nghiệp hoặc các đối tượng tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước bằng đấu giá công khai (hay thông qua thị trường chứng khoán) để hình thành các Công ty cổ phần.

*Xét về mặt bản chất*, Cổ phần hóa chính là phương thức thực hiện xã hội hoá sở hữu, chuyển hình thái kinh doanh một chủ sở hữu Nhà nước trong Doanh nghiệp thành Công ty cổ phần với nhiều chủ sở hữu để tạo ra một mô hình Doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế thị trường và đáp ứng được yêu cầu của kinh doanh hiện đại và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hình thức Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được quy định tại ND

109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ như sau:

- Giữ nguyên vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu để tăng thêm vốn điều lệ.

- Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ.

- Bán toàn bộ phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ.

### 1.3. Nội dung chính sách quản lý vốn Nhà nước trong doanh nghiệp Nhà nước

*Vốn do Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp Nhà nước* là vốn cấp trực tiếp từ ngân sách Nhà nước cho doanh nghiệp Nhà nước khi thành lập, trong quá trình hoạt động kinh doanh; vốn Nhà nước được tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; giá trị các khoản viện trợ, quà biếu, quà tặng; tài sản vô chủ, tài sản di thừa khi kiểm kê doanh nghiệp Nhà nước được hạch toán tăng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Nhà nước; vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế; giá trị quyền sử dụng đất và các khoản khác được tính vào vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

*Tài sản của doanh nghiệp Nhà nước bao gồm:* tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác và chi sự nghiệp) mà doanh nghiệp Nhà nước có quyền chiếm hữu sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.



*Vốn huy động của doanh nghiệp Nhà nước là số vốn công ty Nhà nước huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, vay của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.*

*Bảo toàn VNhà nước tại doanh nghiệp Nhà nước là việc giữ nguyên, không để thâm hụt số Vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Nhà nước trong suốt quá trình kinh doanh.*

*Ban quản lý điều hành doanh nghiệp Nhà nước có Hội đồng quản trị, bao gồm Hội đồng quản trị, Ban giám đốc (Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc hoặc Giám đốc và các Phó giám đốc); đối với doanh nghiệp Nhà nước không có Hội đồng quản trị là Ban giám đốc.*

*Về đầu tư vốn cho doanh nghiệp Nhà nước. Đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn điều lệ cho doanh nghiệp Nhà nước. Đối với Doanh nghiệp Nhà nước mới thành lập, đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn điều lệ trong thời hạn hai năm, kể từ khi quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước. Nếu Doanh nghiệp Nhà nước mới thành lập phải thực hiện đầu tư và xây dựng thì đại diện chủ sở hữu phải bảo đảm cấp đủ vốn điều lệ khi Doanh nghiệp Nhà nước đi vào hoạt động kinh doanh. Quá thời hạn trên, đại diện chủ sở hữu không đầu tư đủ vốn thì phải điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp Nhà nước. Trường hợp không điều chỉnh giảm vốn điều lệ hoặc không được điều chỉnh giảm vốn điều lệ do vốn điều lệ đã bằng mức vốn pháp định thì tùy tình hình cụ thể phải sắp xếp lại Doanh nghiệp Nhà nước theo các hình thức: sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu Doanh nghiệp Nhà nước hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh; Đối với Doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật quy định vốn pháp định thì vốn điều lệ của doanh nghiệp Nhà nước không được thấp hơn vốn pháp định.*

Trong quá trình kinh doanh, đại diện chủ sở hữu có quyền quyết định điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp Nhà nước. Đại diện chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư tại Doanh nghiệp Nhà nước khi tổ chức lại Doanh nghiệp Nhà nước hoặc điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp Nhà nước. Việc rút vốn chỉ được thực hiện nếu vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả của Doanh nghiệp Nhà nước. Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục tăng giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp Nhà nước.

Đối với Doanh nghiệp Nhà nước được thiết kế, đầu tư thành lập và đăng ký kinh doanh để thực hiện mục tiêu chủ yếu, thường xuyên và ổn định là cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng giao kế hoạch hoặc đấu thầu được đại diện chủ sở hữu đầu tư bổ sung đủ vốn để thực hiện khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích.

*Về giao VNhà nước đầu tư cho Doanh nghiệp Nhà nước.* Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc giao vốn Nhà nước đầu tư cho các công ty Nhà nước mới thành lập. Việc giao vốn phải được hoàn thành trong vòng 60 ngày, kể từ ngày công ty Nhà nước được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với công ty Nhà nước phải đầu tư và xây dựng thì việc giao vốn thực hiện trong vòng 60 ngày, kể từ khi công ty Nhà nước đi vào hoạt động kinh doanh.

- Bên giao vốn theo quy định: Bộ Tài chính đối với các Doanh nghiệp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Bộ quản lý ngành đối với Doanh nghiệp Nhà nước do Bộ, ngành quyết định thành lập; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đối với các Doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

- Bên nhận vốn theo quy định: Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Doanh nghiệp Nhà nước có Hội đồng quản trị; Giám đốc đối với Doanh nghiệp Nhà nước không có Hội đồng quản trị.

*Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp Nhà nước trong việc sử dụng vốn và quỹ do Doanh nghiệp Nhà nước quản lý:*

+ Doanh nghiệp Nhà nước được quyền chủ động sử dụng số V Nhà nước giao, các loại vốn khác, các quỹ do Doanh nghiệp Nhà nước quản lý vào hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp Nhà nước. Doanh nghiệp Nhà nước chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người có liên quan đến Doanh nghiệp Nhà nước như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

+ Trường hợp Doanh nghiệp Nhà nước sử dụng các quỹ do Doanh nghiệp quản lý khác với mục đích sử dụng quỹ đã quy định thì Doanh nghiệp Nhà nước phải đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng nhu cầu chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

+ Đối với Doanh nghiệp Nhà nước được thiết kế để thường xuyên ổn định cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích Nhà nước đặt hàng giao kế hoạch, phải tập trung vốn và nguồn lực cho việc sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích. Khi cần thiết đại diện chủ sở hữu được điều động vốn giữa các Doanh nghiệp Nhà nước được thiết kế để thường xuyên, ổn định cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng giao kế hoạch theo hình thức ghi tăng, giảm vốn. Trường hợp điều động vốn cho Doanh nghiệp khác Bộ, ngành, khác địa phương; điều động vốn từ Bộ, ngành Trung ương về địa phương hoặc ngược lại thì đại diện chủ sở

hữu thoả thuận, quyết định sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính. Việc điều động vốn trên đây phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích của Doanh nghiệp Nhà nước bị điều động vốn.

+ Trường hợp Doanh nghiệp được Nhà nước giao nhiệm vụ đặc biệt thì phải tập trung vốn và các nguồn lực khác để hoàn thành nhiệm vụ này.

*Việc huy động vốn được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước. Thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn được thực hiện thông qua Hội đồng quản trị quyết định hợp đồng vay vốn có giá trị lớn hơn vốn điều lệ của Doanh nghiệp Nhà nước. Trường hợp Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc, Giám đốc quyết định các hợp đồng vay vốn. Các hợp đồng vay vốn lớn hơn vốn điều lệ thì mức phân cấp cụ thể phải ghi trong Điều lệ của Doanh nghiệp Nhà nước. Một mặt thông qua đại diện chủ sở hữu Doanh nghiệp Nhà nước không có Hội đồng quản trị quyết định hợp đồng vay vốn có giá trị lớn hơn vốn điều lệ; Bên cạnh đó, thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn cũng có thể được thực hiện thông qua các hợp đồng vay vốn khác có giá trị bằng hoặc thấp hơn vốn điều lệ do Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) Doanh nghiệp Nhà nước quyết định.*

*Quản lý các khoản nợ phải trả. Đối với các khoản nợ phải trả, Doanh nghiệp Nhà nước có trách nhiệm mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả. Đồng thời, thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của công ty Nhà nước, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn;*

Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ Doanh nghiệp Nhà nước phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh

doanh trong kỳ để tạo nguồn trả nợ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ phải trả trong năm đó.

*Bảo toàn VN nhà nước tại Doanh nghiệp Nhà nước.* Doanh nghiệp Nhà nước có trách nhiệm bảo toàn vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp bằng các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước; mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời giá trị tài sản tồn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của Nhà nước và trích lập các khoản dự phòng rủi ro như: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho; Dự phòng các khoản phải thu khó đòi; Dự phòng các khoản giảm giá các khoản đầu tư dài hạn; Dự phòng trợ cấp mất việc làm, thôi việc.

*Đầu tư vốn ra ngoài Doanh nghiệp Nhà nước.* Doanh nghiệp Nhà nước được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Doanh nghiệp Nhà nước để đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp. Việc đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp Nhà nước có liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai. Việc đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp Nhà nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Doanh nghiệp Nhà nước.

Các hình thức đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp Nhà nước: Đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên; góp vốn để thành lập Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty liên doanh, công ty liên kết; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp

nhân mới; Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty hợp danh; Mua lại một công ty khác; Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi; Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Khi nghiên cứu đến thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp Nhà nước: Việc thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên, góp vốn để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước nhiều thành viên hoặc Công ty cổ phần Nhà nước. Nếu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nhiều thành viên, Công ty cổ phần đó hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn được phép thành lập mới công ty Nhà nước thì Hội đồng quản trị (đối với Doanh nghiệp có Hội đồng quản trị) quyết định hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định, Giám đốc Doanh nghiệp (đối với Doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) quyết định các dự án theo phân cấp, vượt phân cấp phải trình đại diện chủ sở hữu quyết định. Nếu công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên hoặc nhiều thành viên, Công ty cổ phần đó hoạt động ngoài lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn được phép thành lập mới công ty Nhà nước thì người quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước là người quyết định phê duyệt đề án góp vốn thành lập mới các Doanh nghiệp này. Các Doanh nghiệp thành viên tổng công ty Nhà nước là tổ chức góp vốn thì đề án góp vốn do Hội đồng quản trị tổng công ty Nhà nước phê duyệt. Góp vốn để thành lập công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài, mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác thì người quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước phê duyệt phương án.

+ Đối với các dự án đầu tư khác: Đại diện chủ sở hữu Doanh nghiệp Nhà nước quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Doanh nghiệp được công bố tại quý

gần nhất hoặc tỷ lệ nhỏ hơn được ghi trong Điều lệ Doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp có Hội đồng quản trị; giá trị lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Doanh nghiệp được công bố tại quý gần nhất hoặc tỷ lệ nhỏ hơn ghi trong Điều lệ Doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị, giám đốc Doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp giá trị dưới mức quyết định của đại diện chủ sở hữu Doanh nghiệp Nhà nước. Đối với Doanh nghiệp được thiết kế để thực hiện chủ yếu, thường xuyên, ổn định các sản phẩm, dịch vụ công ích nếu đầu tư vốn ra ngoài Doanh nghiệp phải trình đại diện chủ sở hữu quyết định.

+ Doanh nghiệp Nhà nước không được đầu tư hoặc góp vốn với các Doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của Doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng Doanh nghiệp đó.

## ***2. Vốn Nhà nước trong doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hóa***

Vốn là điều kiện không thể thiếu được để thành lập một Doanh nghiệp và tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong mọi loại hình Doanh nghiệp, vốn được đầu tư vào sản xuất kinh doanh để tạo ra lợi nhuận, tức là làm tăng thêm giá trị cho chủ sở hữu Doanh nghiệp. Đối với việc quản lý vốn và quản lý tài chính, trọng tâm cần đề cập là luân chuyển của vốn, sự ảnh hưởng qua lại của các hình thái khác nhau của tài sản và hiệu quả quay vòng vốn. Như vậy vốn được xem xét dưới trạng thái động (chứ không phải trạng thái tĩnh) với quan điểm hiệu quả.

Trong mọi Doanh nghiệp, vốn đều bao gồm hai bộ phận: vốn cố định và vốn lưu động; mỗi bộ phận này được chia nhỏ thành nhiều yếu tố hoặc khoản mục khác nhau tùy theo tính chất của chúng. Tuy nhiên, các nguồn vốn của các Doanh nghiệp không giống nhau do quá trình huy động và sử dụng vốn phụ thuộc vào một loạt các nhân tố khác nhau như:

Tuỳ theo loại hình Doanh nghiệp và các đặc điểm cụ thể, mỗi Doanh nghiệp có thể có các phương thức tạo vốn và huy động vốn khác nhau. Trong điều kiện kinh tế thị trường, các phương thức huy động vốn của Doanh nghiệp được đa dạng, giải phóng các nguồn tài chính trong nền kinh tế, thúc đẩy sự thu hút vốn vào các Doanh nghiệp. Tuy nhiên cần lưu ý rằng, trong hoàn cảnh cụ thể của Việt nam, do thị trường tài chính chưa phát triển hoàn chỉnh nên việc khai thác vốn có những nét đặc trưng đáng chú ý. Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và thị trường tài chính sẽ sớm tạo điều kiện để các Doanh nghiệp mở rộng khả năng thu hút vốn vào kinh doanh.

*Vốn tự có của Doanh nghiệp.* Khi Doanh nghiệp được thành lập bao giờ chủ Doanh nghiệp cũng phải đầu tư một số vốn nhất định. Đối với Doanh nghiệp Nhà nước (Nhà nước là chủ sở hữu) vốn tự có ban đầu chính là vốn đầu tư của Ngân sách Nhà nước.

Luật Doanh nghiệp 2005 xác định:

“Góp vốn là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của công ty. tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ do công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty”.

Phần vốn góp là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của công ty góp vào vốn Điều lệ. Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời gian nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty. Vốn pháp định là số vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập Doanh nghiệp.

Vốn có quyền biểu quyết là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông.



Trong thực tế, vốn tự có của Doanh nghiệp thường lớn hơn nhiều so với vốn pháp định. Nhất là sau một thời gian hoạt động và mở rộng kinh doanh. Tuy nhiên cũng có những trường hợp do các nguyên nhân khác nhau nên nguồn vốn tự có của chủ Doanh nghiệp không còn đủ khả năng duy trì hoạt động bình thường của công ty.

Đối với Công ty cổ phần, nguồn vốn do các cổ đông đóng góp là yếu tố quyết định để hình thành công ty. Mỗi cổ đông là một chủ sở hữu của công ty (theo tỷ lệ góp vốn) và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trên trị giá số cổ phần mà họ nắm giữ. Tuy nhiên các Công ty cổ phần cũng có một số dạng tương đối khác nhau, do đó cách thức huy động vốn cổ phần cũng khác nhau.

Một bộ phận khác của vốn tự có của các Doanh nghiệp đang hoạt động là nguồn vốn từ lợi nhuận để lại (tái đầu tư).

*Vốn tín dụng dài hạn.* Không một công ty nào có thể hoạt động mà không vay vốn Ngân hàng. Đương nhiên, nhu cầu vay vốn dài hạn đối với các Doanh nghiệp là khác nhau. Trong quá trình hoạt động, các Doanh nghiệp có thể huy động vốn tín dụng dài hạn để đảm bảo nguồn tài chính trong những trường hợp cần thiết. Vốn tín dụng dài hạn có thể được phân loại theo thời hạn vay, bao gồm: vay dài hạn (thường tính từ 3 năm trở lên; có nơi tính từ 5 năm trở lên), vay trung hạn (từ một đến ba năm). Tiêu chuẩn và quan niệm về thời gian để phân loại trong thực tế không giống nhau giữa các nước, ngay cả các ngân hàng cũng có thể phân loại khác nhau.

*Vốn huy động bằng cách phát hành cổ phiếu.* Một nguồn tài chính dài hạn rất quan trọng là phát hành cổ phiếu để huy động cho công ty. Một số yếu tố cơ bản liên quan đến việc phát hành và kiểm soát các loại cổ phiếu khác nhau.

+ Cổ phiếu thường - Cổ phiếu phổ thông.

Cổ phiếu thường là loại cổ phiếu thông dụng nhất vì đặc điểm của nó đáp ứng được cả hai phía người đầu tư và công ty phát hành. Lượng cổ phiếu tối đa mà

công ty được quyền phát hành được gọi là vốn cổ phần được cấp phép. Đây là một quy định của UBCK Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền. Con số này cũng được ghi trong điều lệ của công ty. Muốn tăng vốn cổ phần cần phải được Đại hội đồng cổ đông cho phép.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc quản lý và kiểm soát quá trình phát hành chứng khoán tùy thuộc vào chính sách cụ thể của Nhà nước và Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Việc cho phép phát hành mới và phát hành bổ sung cổ phiếu không chỉ phụ thuộc vào tình hình tài chính của bản thân công ty, mà còn phải xem xét các nhân tố khác, đặc biệt là “nhiệt độ” trên thị trường chứng khoán.

Phần lớn những cổ phiếu đã phát hành nằm trong tay những cổ đông. Những cổ phiếu này gọi là cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường. Tuy nhiên, có thể chính công ty phát hành đã mua lại một số cổ phiếu của mình và giữ nó đến khi bán lại và khi huỷ bỏ. Những cổ phiếu này được coi như không lưu hành và được gọi là cổ phiếu ngân quỹ. Việc mua lại hoặc bán ra những cổ phiếu này phụ thuộc vào một số yếu tố như: Tình hình cân đối vốn và khả năng đầu tư; Chính sách đối với việc sát nhập hoặc thôn tính và tình hình trên thị trường chứng khoán.

+ Mệnh giá và thị giá.

Giá trị ghi trên mặt cổ phiếu gọi là mệnh giá, giá cả của cổ phiếu trên thị trường gọi là thị giá. Trị giá của cổ phiếu được phản ánh trong sổ sách kế toán của công ty gọi là giá trị ghi sổ (Book Value), đó cũng chính là mệnh giá của các cổ phiếu đã phát hành.

Mệnh giá không chỉ được ghi trên cổ phiếu mà còn được ghi rõ trong giấy phép phát hành và trên sổ sách kế toán của công ty. Tuy nhiên, mệnh giá chỉ có ý nghĩa khi phát hành cổ phiếu và đối với khoản thời gian ngắn sau khi cổ phiếu được phát hành. Thị giá phản ánh sự đánh giá của thị trường đối với cổ phiếu, phản ánh lòng tin của các nhà đầu tư đối với hoạt động của công ty. Trên thị trường cổ phiếu, cũng giống như các hàng hoá khác, thị giá cổ phiếu hình thành do hệ cung-

cầu, tức là giá cân bằng giữa số lượng cổ phiếu mà các cổ đông có thể bán ra và số lượng cổ phiếu mà các nhà đầu tư muốn mua vào.

*VN* Nhà nước đầu tư vào Doanh nghiệp là vốn cấp trực tiếp từ ngân sách Nhà nước cho công ty Nhà nước khi thành lập, trong quá trình hoạt động kinh doanh; vốn Nhà nước được tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; giá trị các khoản viện trợ, quà biếu, quà tặng; tài sản vô chủ, tài sản di thừa khi kiểm kê công ty Nhà nước được hạch toán tăng vốn Nhà nước tại công ty Nhà nước; vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế; giá trị quyền sử dụng đất và các khoản khác được tính vào vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vốn Nhà nước đầu tư vào Doanh nghiệp Cổ phần hóa là giá trị cổ phần hoặc vốn Nhà nước góp tại Doanh nghiệp Nhà nước đã Cổ phần hóa và cổ tức được chia theo tỷ lệ vốn góp của Nhà nước được để lại đầu tư trong Doanh nghiệp Cổ phần hóa. Từ khi Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 6/12/2000 của Chính phủ về Quy chế quản lý phần vốn Nhà nước ở Doanh nghiệp khác được ban hành thì khái niệm về vốn Nhà nước trong Doanh nghiệp Cổ phần hóa được quy định như sau:

*Giá trị vốn Nhà nước trong Doanh nghiệp Nhà nước đã thực hiện Cổ phần hóa bao gồm: Phần vốn Nhà nước từ Doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang Công ty cổ phần; Giá trị cổ phiếu Nhà nước cấp cho người lao động trong Doanh nghiệp để hưởng cổ tức khi Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện Cổ phần hóa giai đoạn trước khi Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ có hiệu lực thi hành; Lợi tức được chia do việc Nhà nước đầu tư vào Doanh nghiệp sau Cổ phần hóa được dùng để tái đầu tư tại Doanh nghiệp này.*

### **3. Quản lý vốn Nhà nước trong doanh nghiệp Nhà nước sau cổ phần hóa**

Doanh nghiệp Nhà nước là tổ chức kinh tế do Nhà nước đầu tư 100% vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích nhằm

thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Nhà nước giao. Doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, có các quyền và nghĩa vụ dân sự, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh trong phạm vi số vốn do Doanh nghiệp quản lý. Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước. Chính phủ quy định cụ thể việc thực hiện Luật Doanh nghiệp Nhà nước của Doanh nghiệp Nhà nước.

Vốn Nhà nước giao cho Doanh nghiệp Nhà nước quản lý và sử dụng là vốn ngân sách cấp, vốn có nguồn gốc từ ngân sách và vốn của Doanh nghiệp Nhà nước tự tích lũy.

Doanh nghiệp Nhà nước có quyền quản lý sử dụng vốn, tài nguyên đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh hoặc hoạt động công ích do Nhà nước giao.

Nhà nước bổ nhiệm bộ máy lãnh đạo Doanh nghiệp Nhà nước như Hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) và kế toán trưởng Doanh nghiệp để quản lý điều hành hoạt động của Doanh nghiệp Nhà nước. Trên cơ sở bộ máy lãnh đạo được Nhà nước bổ nhiệm Doanh nghiệp Nhà nước có quyền tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao.

Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa là Doanh nghiệp được thành lập từ chuyển đổi những Doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn sang loại hình Công ty cổ phần có nhiều chủ sở hữu nhằm huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Nhà nước tham gia góp vốn vào Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa với tỷ lệ giữ cổ phần chi phối (trên 51%) hay không chi phối (dưới 50%) vốn Điều lệ.

Việc cử người đại diện VNhà nước trong các Doanh nghiệp sau Cổ phần hóa tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước và một số Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc biệt (như: bảo hiểm, ngân hàng, viễn thông, hàng không, khai thác dầu khí, than, khai thác mỏ quý hiếm khác) do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Đối với những Doanh nghiệp Nhà nước độc lập trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau Cổ phần hóa việc cử người đại diện chủ sở hữu VNhà nước được chuyển giao về SCIC do các Bộ, cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với SCIC lựa chọn. Công tác chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu VNhà nước tại Doanh nghiệp này được thực hiện ngay sau khi công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

Hội đồng thành viên các công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước có trách nhiệm thành lập Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước. Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước xem xét, lựa chọn, đề xuất và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền cử người đại diện VNhà nước góp tại Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa.

Tổ chức công đoàn tại Doanh nghiệp Nhà nước Cổ phần hóa có trách nhiệm với Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước cử người đại diện phần vốn của tổ chức công đoàn tham gia ứng cử vào HĐQT, Ban kiểm soát Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa.

Việc quản lý VNhà nước trong Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp. Khác với Doanh nghiệp Nhà nước trước đây, Nhà nước quản lý phần vốn Nhà nước thông qua người đại diện là cổ đông

của trong Doanh nghiệp sau Cổ phần hóa. Cổ đông phần vốn Nhà nước trong trong Doanh nghiệp sau Cổ phần hóa có các quyền của cổ đông như sau:

- Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

- Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông.

- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa.

- Được tự do chuyển nhượng cổ phần Nhà nước cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông.

- Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

- Khi Doanh nghiệp Nhà nước sau Cổ phần hóa giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty.

Người được cử làm đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước trong Doanh nghiệp Nhà nước Cổ phần hóa có quyền và nghĩa vụ sau:

- Được tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại Doanh nghiệp sau Cổ phần hóa có vốn Nhà nước.

- Được thay mặt Nhà nước tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan đến quyền của cổ đông.

- Được hưởng lương, thưởng, các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành và Điều lệ Doanh nghiệp.

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến phạm vi công việc thực hiện và Điều lệ Doanh nghiệp.

- Thực hiện việc theo dõi, giám sát tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước.

